

Bản án số: 1293/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Vân
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3701/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3364/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thụy Quỳnh P , sinh năm 1993(Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1980(Vắng mặt).

Quốc tịch: Canada.

Địa chỉ: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thụy Quỳnh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018, ngày 31/01/2018. Sau khi kết hôn ông H

quay về Canada sinh sống. Kể từ đó hai người chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, vì bất đồng ngôn ngữ, dẫn đến việc cả hai không hiểu nhau, và không hòa hợp. Từ đó tình cảm cả hai dần phai nhạt, không còn liên lạc với nhau. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ: Tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông H có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 18/TTTPDS-TA30 ngày 19/11/2020). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của Canada thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã thực hiện được việc tổng đạt văn bản của Tòa án bằng phương thức tổng đạt trực tiếp hồ sơ ủy thác tư pháp cho đương sự. Nhưng cho đến nay, ông H vẫn không có văn bản phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thụy Quỳnh P, Hội đồng xét xử nhận thấy bà P và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông H hiện cư trú tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thụy Quỳnh P yêu cầu ly hôn với ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà P (bà P cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà P và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà và ông H không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà Phạm Thụy Quỳnh P và ông H đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà P yêu cầu ly hôn với ông H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thụy Quỳnh P khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà P được ly hôn với ông H là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thụy Quỳnh P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thụy Quỳnh P .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy Quỳnh P được ly hôn với ông H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018, ngày 31/01/2018 do Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thụy Quỳnh P và ông H không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thụy Quỳnh P khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thụy Quỳnh P chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0092679 ngày 28/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Phạm Thụy Quỳnh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- UBND quận C; TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên